

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27/2018/ HNGĐ- ST**

Ngày 19/11/2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Võ Chắt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Gia Vinh

2. Ông Lê Văn Hào

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**- Thư ký Tòa
án

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1981

* Bị đơn: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Bà Đỗ Thị N với ông Vũ Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Tiên Lãng, tỉnh Hải Phòng vào ngày 07/6/2000. Trong quá trình chung sống bà N, ông C chung sống không hạnh phúc phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nga với ông C có 02 người con chung là cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 19/4/2002 và cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 12/3/2004, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Vũ Văn C cư trú tại thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Đối với bị đơn ông Vũ Văn C, sau khi Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với ông C và ông C cũng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 08/10/2018, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Trong quá trình chung sống bà N, ông C không hợp nhau và không còn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông C đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 08/10/2018 ông C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông C là đúng quy định theo pháp luật.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, khi ly hôn việc giao con chung chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục

phải nhằm đảm bảo cho con chung được phát triển bình thường và ổn định về thể chất, tinh thần, cũng như vì tương lai sau này của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi hai con bà Nga là thỏa đáng, bởi lẽ cháu A, cháu D đã trên 07 tuổi và trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày cả hai cháu đều yêu cầu được ở với bà N. Mặt khác, tại đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt ông C cũng đồng ý giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 19/4/2002 và cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 12/3/2004 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông C không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí: bà N phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí.

1. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đối với bị đơn ông Vũ Văn C.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Vũ Văn C.

3. *Về con chung:* Giao cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 19/4/2002 và cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 12/3/2004 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. *Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:* Bà N phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018487 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Án sử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Chất